

PHẦN THỨ BA
LỊCH SỬ - XÃ HỘI

CHUYỂN ĐỔI VIỆC LÀM CỦA NÔNG DÂN KHU VỰC NÔNG THÔN TRONG MỐI QUAN HỆ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - ĐÔ THỊ (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ NĂM 1997 - 2010)

Lê Thị Mỹ Hà¹

Tóm tắt

Kể từ sau khi Việt Nam thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khu vực nông thôn nói chung, đặc biệt là nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đã có sự thay đổi trên nhiều lĩnh vực, trong đó, sự chuyển đổi việc làm của người nông dân từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp rất rõ nét. Nội dung của bài viết tập trung phân tích về sự chuyển đổi cơ cấu việc làm ở nông thôn Thành phố bằng việc nhận diện bức tranh đa chiều về việc làm của nông dân, những lý do chuyển đổi việc làm của nông dân xét trong mối quan hệ tương tác giữa nông thôn - đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: nông thôn - đô thị, nông dân, chuyển đổi việc làm

1. Đặt vấn đề

Thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM) là địa phương đi đầu cả nước về phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH). Quá trình đô thị hóa, CNH, HĐH phát triển với tốc độ nhanh, đặc biệt là khu vực ngoại vi của nội thành, đã làm thay đổi diện mạo kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng nông thôn TP HCM, nhất là các khu vực ven các trục lộ giao thông và cận đô thị. Mức độ thâm nhập của công nghiệp vào cơ cấu lao động ở nông thôn, mức độ thâm nhập của lối sống đô thị vào cư dân nông thôn, của cơ chế kinh tế thị trường đã từng bước làm thay đổi xã hội nông thôn TP HCM.

Từ Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (1994), cả nước nói chung, khu vực Đông Nam Bộ nói riêng đã có sự chuyển động phát triển mạnh mẽ các cơ sở, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất trên phần lớn trên địa bàn khu vực nông thôn. Trong quan hệ nông thôn - đô thị, nông thôn được xem là “sân

¹ TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

sau”, là khu vực “dự trữ” cho quá trình phát triển và mở rộng đô thị. Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực đô thị đã tác động đến sự thay đổi của khu vực nông thôn, trong đó, sự chuyển đổi việc làm của người nông dân khu vực nông thôn cả nước, khu vực Đông Nam Bộ, nhất là ở TP HCM diễn ra rất mạnh mẽ.

Bài viết sử dụng tư liệu từ kết quả nghiên cứu của đề tài “*Nông dân, nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” do tác giả làm chủ nhiệm, nghiệm thu năm 2012. Trong đề tài này, ngoài việc thu thập dữ liệu từ các công trình nghiên cứu có liên quan, đề tài còn tiến hành cuộc khảo sát định lượng gồm 600 hộ nông dân, bao gồm 5 huyện nông thôn (300 phiếu) và các quận vùng ven (300 phiếu) theo phương pháp chọn mẫu định mức (quota); bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp phương pháp phỏng vấn sâu để thu thập thông tin từ cộng đồng. Đề tài tiếp cận và nghiên cứu sự chuyển đổi của nông dân, nông thôn dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó, chuyển đổi việc làm của người nông dân ở nông thôn là một trong những chủ đề nghiên cứu của đề tài.

2. Chuyển đổi việc làm của nông dân Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề ở nông thôn

Trong khoảng 10 năm gần đây, cơ cấu ngành nghề của các hộ nông dân TP HCM đã có sự chuyển dịch theo xu hướng giảm dần của các hộ làm nông, lâm nghiệp, thủy sản và tăng lên của các hộ công thương nghiệp, dịch vụ,... Sự tăng giảm này được biểu hiện cụ thể qua số liệu thống kê sau:

Bảng 1. Cơ cấu ngành nghề của các hộ nông dân TP HCM (%/tổng số hộ)

Loại hộ	Năm 2001	Năm 2006	Năm 2011
Hộ nông, lâm và thủy sản	30.0	19.3	9.8
Hộ công nghiệp và xây dựng	33.0	39.7	41.8
Hộ thương mại, dịch vụ	33.3	38.0	45.2
Hộ khác	3.7	3.0	3.2
Tổng cộng	100.0	100.0	100.0

Nguồn: Cục Thống kê TP HCM năm 2001,2011.

Trong năm 2001, cơ cấu ngành nghề trong hoạt động kinh tế của người dân ở nông thôn biểu thị tương đối cân bằng giữa ba nhóm ngành là *nông – lâm nghiệp – thủy sản*, *công nghiệp – xây dựng* và *thương nghiệp – dịch vụ*. Các nhóm ngành này có tỷ lệ hộ tham gia trong biên độ dao động từ 29,97% đến 33,3%. Nhưng đến năm 2006, chỉ 5 năm sau, tỷ lệ này đã có sự thay đổi rõ nét, trong đó, thay đổi lớn nhất là sự sụt giảm của tỷ lệ hộ làm *nông – lâm nghiệp – thủy sản*, giảm 10,67%; trái ngược với đó là tỷ lệ của những hộ tham gia vào các ngành *công nghiệp – xây dựng*, *thương nghiệp – dịch vụ* lại tăng lên tương ứng là 6,7% và 4,7%.

Theo thống kê vào tháng 7/2011, tỷ lệ tăng và giảm như trên cũng diễn ra giống với 5 năm trước đó. Trong đó, tỷ lệ hộ làm *nông – lâm nghiệp – thủy sản* ở nông thôn Thành phố đã giảm đi 9,5% so với năm 2006; *công nghiệp – xây dựng* tăng lên 2,1%, *thương nghiệp – dịch vụ* tăng lên 7,2%.

Nhìn chung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để hỗ trợ thực hiện chuyển đổi việc làm ở nông thôn, Nhà nước có những chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, tư vấn miễn phí về chính sách pháp luật, giới thiệu việc làm,... tạo điều kiện cho người dân nông thôn có cơ hội chuyển đổi việc làm từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

2.2. Sự chuyển đổi việc làm của nông dân Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Nhận diện sự biến đổi cơ cấu việc làm

Quá trình đô thị hóa và CNH, HĐH, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn đã tác động đến sự chuyển đổi việc làm của đại bộ phận nông dân TP HCM. Đó là chuyển đổi từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Trong đó, tỷ lệ lao động làm nông nghiệp trên hai phương diện: hộ và nhân khẩu đều giảm mạnh; ngược lại, tỷ lệ lao động mang tính phi nông nghiệp tăng lên; trong đó tăng mạnh nhất là các công việc như *công nhân*, *các hoạt động phi nông nghiệp mang tính tư nhân như buôn bán nhỏ*, *kinh doanh nhà trọ*, *làm thuê*, *công nhân viên nhà nước*...

Đối tượng nghiên cứu và khảo sát của chúng tôi là hộ nông dân. Là những người có thời gian sinh sống tại TP HCM từ trước năm

1986 và làm nông nghiệp tại Thành phố ít nhất là đến năm 1997. Với sự lựa chọn như vậy, chúng tôi muốn nhắc đến những người nông dân sống lâu năm ở Thành phố, những người am hiểu về Thành phố và chịu sự tác động trực tiếp của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra trên địa bàn.

Qua phân tích số liệu khảo sát về số hộ làm nông nghiệp qua hai mốc thời gian 1997 và 2010 cho thấy như sau:

Bảng 2. Số hộ làm nông nghiệp của năm 1997 và năm 2010

Tình trạng hộ làm nông nghiệp	Năm 1997		Năm 2010	
	Tần suất (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tần suất (hộ)	Tỷ lệ (%)
Có	560	93.3	361	60.2
Không	40	6.7	239	39.8
Tổng cộng	600	100.0	600	100.0

Nguồn: Lê Thị Mỹ Hà, 2012.

Trong 600 hộ được khảo sát, có 361 hộ (chiếm 60,2%) còn nhân khẩu làm nông nghiệp, nếu so với năm 1997, con số này đã giảm đến 33,1%. Năm 1997, số hộ có nhân khẩu là nông nghiệp là 560 hộ, chiếm 93,3% hộ khảo sát. Số hộ bỏ hẳn nghề nông trong hơn 10 năm qua cũng chiếm tỷ lệ cao.

Bảng 3. Tình trạng hộ làm nông nghiệp 2010 so với năm 1997

			Tình trạng làm nông nghiệp của các hộ 2010		Tổng cộng
			Có	Không	
Tình trạng hộ làm nông nghiệp trong năm 1997	Có	Tần suất (hộ)	220	340	560
		Tỷ lệ (%)	36.7	56.7	93.3
	Không	Tần suất (hộ)	19	21	40
		Tỷ lệ (%)	3.2	3.5	6.7
Tổng cộng		Tần suất (hộ)	239	361	600
		Tỷ lệ (%)	39.8	60.2	100.0

Nguồn: Lê Thị Mỹ Hà, 2012.

Trong 600 hộ được khảo sát, năm 1997 có 560 hộ có nhân khẩu đang làm nông nghiệp. Nhưng đến năm 2010, còn số này chỉ còn lại 220 hộ (chiếm 36,7% trên tổng số 93,3% của năm 1997); 340 hộ còn lại đã không còn nhân khẩu tham gia nghề nông. Tuy nhiên, cũng có 19 hộ không làm nông nghiệp vào năm 1997, nhưng đến thời điểm khảo sát lại có nhân khẩu làm nông nghiệp. Điều này cho thấy *có hiện tượng chuyển đổi từ phi nông nghiệp sang nông nghiệp* của một số hộ gia đình nông dân ở một số xã nhất định.

Phân tích các nhân khẩu trong độ tuổi lao động qua hai mốc thời gian: năm 1997 và năm 2010, cho thấy có sự chênh lệch rất rõ về số lượng và tỷ lệ nhân khẩu làm nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Bảng 4. Công việc của nhân khẩu trong độ tuổi lao động

Công việc	Năm 1997		Năm 2010	
	Tần suất (nhân khẩu)	Tỷ lệ %	Tần suất (nhân khẩu)	Tỷ lệ %
Nông nghiệp	1188	69.8	552	26.3
Công nhân	69	4.1	391	18.6
Công nhân viên nhà nước	55	3.2	156	7.4
Công việc phi nông nghiệp thu nhập ổn định	47	2.8	246	11.7
Công việc phi nông nghiệp thu nhập không ổn định	95	5.6	369	17.6
Hưu trí/mất sức	31	1.8	38	1.8
Thất nghiệp	3	.2	61	2.9
Không tham gia công việc	143	8.4	0	0.0
Học sinh/Sinh viên	71	4.2	288	13.7
Tổng cộng	1702	100.0	2101	100.0

Nguồn: Lê Thị Mỹ Hà, 2012.

Nếu trong năm 1997, nhân khẩu trong độ tuổi lao động làm nông nghiệp chiếm 69,8%, thì đến năm 2010, con số này chỉ còn 26,3%; giảm đi 43,5%. Đối với những công việc phi nông nghiệp như *công nhân, nhân viên nhà nước, nhân viên tư nhân, ...* tỷ lệ nhân khẩu trong độ tuổi lao động ở năm 2010 tham gia đông hơn so với năm 1997.

2.2.2. Một số lý do ảnh hưởng đến chuyển đổi việc làm

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, việc chuyển đổi nghề nghiệp như trên chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố như độ tuổi, trình độ học vấn, quan hệ gia đình...

- Độ tuổi

Lao động nông nghiệp có xu hướng ngày một già đi do thanh niên nông thôn chọn ngành nghề phi nông nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp; cụ thể lao động nhóm trẻ giảm theo các mốc điểm từ năm 1999 có tỷ lệ 74,3%, năm 2004 là 72,4% và năm 2006 là 70,7%; trái lại nhóm lao động từ 40-60 tuổi ngày một tăng (tỷ lệ 1999 là 25,7%, năm 2004 là 27,7% và năm 2006 là 28,9%) (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP HCM, 2009).

Phân tích số liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy độ tuổi là một trong những yếu tố quan trọng mà người dân chọn lựa công việc của mình.

Bảng 5. Độ tuổi lao động tham gia các công việc năm 2010 (%)

	Phân loại tuổi lao động năm 2010				Tổng cộng
	Độ tuổi từ 15-25	Độ tuổi từ 26-36	Độ tuổi từ 37-46	Độ tuổi từ 47-60	
Nông nghiệp	1.6	5.6	8.9	10.4	26.5
Công nhân	7.7	7.7	1.7	.7	17.9
Công nhân viên nhà nước	1.6	3.2	.8	1.5	7.1
Công việc phi nông nghiệp thu nhập ổn định	2.4	4.7	2.8	1.8	11.7
Công việc phi nông nghiệp thu nhập không ổn định	2.8	5.4	3.9	6.4	18.6
Hưu trí/mất sức	.0	.4	.3	1.6	2.2
Thất nghiệp	1.3	.8	.1	.6	2.8
HS/SV	12.9	.3	.0	.0	13.2
Tổng cộng	30.3	28.1	18.6	23.0	100.0

Nguồn: Lê Thị Mỹ Hà, 2012.

Trong đó, những người làm nông nghiệp thường có độ tuổi cao hơn (từ 37 đến 60 tuổi) so với những người làm công nhân và công việc phi nông nghiệp tư nhân. Những người có độ tuổi thấp (từ 15 đến 36 tuổi) tham gia làm nông nghiệp ít (chỉ chiếm từ 1,6% đến không quá 6%), họ chủ yếu làm những công việc phi nông nghiệp. Có thể nói, những người làm nông nghiệp đa phần ở độ tuổi trung niên trở lên.

So với thời điểm năm 1997, tỷ lệ này đã có sự thay đổi. Năm 1997, nhân khẩu tham gia làm nông nghiệp không chênh lệch nhiều trong từng nhóm tuổi. Như trong độ tuổi từ 15-60 tham gia lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ 69,8%, trong đó phân theo từng nhóm tuổi cho thấy: độ tuổi từ 15-25 chiếm 14,6%, tuổi từ 26-36 chiếm 20,0%, từ 37-46 chiếm 16,8% và từ 47,60 chiếm 18,3% (Lê Thị Mỹ Hà, 2012).

Qua số liệu chúng tôi nhận thấy, độ tuổi cũng có sự ảnh hưởng đến việc chọn lựa nghề nghiệp của người dân nông thôn. Do vậy, chúng tôi đề cập vấn đề này khi tiến hành phỏng vấn sâu với người nông dân và nhận thấy một số giải thích đó là: phần lớn những người trẻ đều được gia đình đầu tư giáo dục, trình độ học vấn cao hơn trước, họ có đủ điều kiện xin việc làm trong các công ty, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, nhà hàng, khách sạn...; mặt khác, nhiều người cho rằng, các bạn trẻ không thích làm nông nghiệp vì làm nông vất vả, thu nhập cũng không ổn định...

- Trình độ học vấn

Như đã trình bày, trình độ học vấn cũng là điều kiện giúp cho người dân nông thôn có cơ hội chuyển đổi việc làm của mình.

Bảng 6. Tương quan giữa việc làm và trình độ học vấn của nhân khẩu lao động năm 2010 (%)

		Trình độ học vấn của người lao động						Tổng cộng
		Chưa đi học lần nào	Tiểu học	TH cơ sở	TH phổ thông	TH nghề chính quy	Cao đẳng/Đại học	
Tình trạng công việc năm 2010	Nông nghiệp	.6	10.5	10.3	4.9	.0	.0	26.3
	Công nhân	.0	2.2	7.7	8.2	.0	.5	18.6
	Công nhân viên nhà nước	.0	.5	1.4	3.2	.5	1.8	7.4
	Công việc phi nông nghiệp thu nhập ổn định	.1	2.1	4.0	2.9	.4	2.1	11.7
	Công việc phi nông nghiệp thu nhập không ổn định	.6	5.4	7.8	3.2	.1	.4	17.6
	Hưu trí/mất sức	.4	.8	.4	.2	.0	.0	1.8
	Thất nghiệp	.2	.6	.7	1.1	.1	.1	2.9
	Học sinh/Sinh viên	.0	.6	2.3	7.5	.7	2.6	13.7
Tổng cộng		2.0	22.8	34.6	31.2	1.9	7.6	100.0

Nguồn: Lê Thị Mỹ Hà, 2012.

Những người làm nông nghiệp đa phần đều có trình độ học vấn thấp, chủ yếu ở bậc tiểu học (chiếm 10,5%) và trung học cơ sở (chiếm 10,3%). Trong khi đó, các công việc như *công nhân, công nhân viên nhà nước và công việc mang tính phi nông nghiệp tư nhân*,... đều thu hút người có trình độ học vấn cao, từ bậc trung học phổ thông cơ sở trở lên. Điều này cũng phù hợp với tiêu chí tuyển dụng lao động của các cơ quan nhà nước và các công ty, xí nghiệp,... Do đó, khi có điều kiện nâng cao trình độ học vấn, người nông dân đã có nhiều cơ hội lựa chọn nghề nghiệp, việc làm cho bản thân.

- Sự biến động diện tích đất nông nghiệp của các hộ nông dân

Như đã trình bày, diện tích đất nông nghiệp của TP HCM nói chung và khu vực nông thôn nói riêng đã thay đổi rất nhiều qua các năm. Năm 2008 đất nông nghiệp của Thành phố là 121.313 ha, giảm 9.407 ha so với năm 2000 (bình quân giảm 1.176 ha/năm), trong đó: đất sản xuất nông nghiệp 75.251 ha, giảm 15.888 ha, bình quân giảm 1.986 ha/năm; đất lâm nghiệp 34.365 ha, tăng 893 ha, bình quân tăng 112 ha/năm; đất nuôi trồng thủy sản 9.856 ha, tăng 5.707 ha, bình quân tăng 713 ha/năm; đất làm muối 1.373 ha, giảm 586 ha, bình quân giảm 73 ha/năm; đất nông nghiệp khác 467 ha, tăng 100%, bình quân tăng 58 ha/năm; đây là đất: xây dựng nhà kính, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, trạm trại nghiên cứu, cơ sở ươm tạo cây, con giống,...(Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP HCM, 2009).

Qua khảo sát, phân tích 600 phiếu điều tra của chúng tôi ở các quận, huyện ngoại thành TP HCM cũng cho thấy rõ sự biến động diện tích đất nông nghiệp ở TP HCM. Trong phiếu khảo sát, chúng tôi tập trung tìm hiểu các loại đất như đất trồng lúa, đất trồng rau màu, đất trồng mai, đất trồng cây lâu năm, đất dùng để đào ao nuôi tôm, cá,... mà người dân TP HCM đã và đang sở hữu. Khi phân tích cho thấy, các loại đất này đều có sự thay đổi kể từ sau năm 1997. Việc thay đổi này diễn ra theo hai chiều hướng: *tăng* và *giảm*, tùy theo từng loại đất.

Bảng 7. Diện tích tăng/giảm của từng loại đất của hộ
trong năm 1997 và năm 2010

	Năm 1997		Năm 2010	
	Tần suất (hộ)	Tỷ lệ %	Tần suất (hộ)	Tỷ lệ %
Lúc đó chưa có đất	2	.3	-	-
Đất trồng lúa	487	81.2	197	32.8
Ruộng muối	2	.3	3	.5
Đất trồng rau, màu	19	3.2	48	8.0
Đất trồng mai	53	8.8	51	8.5
Đất trồng cây lâu năm	13	2.2	54	9.0
Đất thổ cư	14	2.3	106	17.7
Ao nuôi tôm, cá	6	1.0	98	16.3
Đất nông nghiệp bỏ hoang	4	.7	43	7.2
Tổng cộng	600	100.0	600	100.0

Nguồn: Lê Thị Mỹ Hà, 2012.

Trong đó, *diện tích đất trồng lúa* giảm mạnh so với năm 1997 (có tỷ lệ giảm đến gần 50% hộ khảo sát), *đất trồng mai* (giảm khoảng 0,3%), nhưng cũng có những loại đất có diện tích tăng, như đất dùng để đào ao nuôi tôm, cá (tăng từ 1,0% của năm 1997 lên đến 16,3% hiện nay), *đất trồng rau màu* (tăng từ 3,2% lên đến 8,0%),... đặc biệt là *đất nông nghiệp bỏ hoang* có tỷ lệ tăng đáng kể (tăng đến gần 7% so với năm 1997). Đất thổ cư, tuy không thuộc đất nông nghiệp, nhưng qua bảng phân tích trên cũng cho thấy có tỷ lệ tăng rất lớn (trên 15% so với trước đó), đó là do nhiều hộ nông dân đã chuyển mục đích sử dụng đất để xây nhà trọ cho thuê.

Không phải ngẫu nhiên mà khu phòng trọ ở các quận vùng ven và các huyện ngoại thành của TP HCM ngày một phát triển. Nguyên nhân là do sự ra đời ngày một nhiều các khu chế xuất, khu công nghiệp tại các khu vực nông thôn và ngoại thành của Thành phố kể từ sau 1997. Chính điều này đã làm tăng dân số cơ học và tăng nhu cầu chỗ ở của người dân, đặc biệt là chỗ ở cho công nhân ngoài tỉnh. Những hộ nông dân sống gần các khu công nghiệp, khu chế xuất của TP HCM nắm bắt cơ hội này, nhanh chóng chuyển

công việc chính của gia đình bằng cách bỏ nghề nông, xây phòng trọ trên đất nông nghiệp cho công nhân ngoại tỉnh thuê. Thu nhập từ việc cho thuê phòng trọ tăng gấp nhiều lần so với hoạt động nông nghiệp truyền thống. Khi khảo sát các hộ nông dân ở quận 7, Thủ Đức và Bình Chánh vào giữa năm 2010, chúng tôi nhận thấy thu nhập trung bình hàng tháng của một hộ có 5 phòng trọ là từ 2,5 triệu đến 4 triệu đồng. Chi phí bỏ ra để xây 5 phòng trọ, ước tính khoảng từ 35 đến 40 triệu. Như vậy, sau khoảng một năm cho thuê, chủ nhà trọ đã thu lại nguồn vốn ban đầu. Tiền thu của những năm tiếp theo là tiền lãi của họ. Ước tính, sau khi đã hoàn vốn, mỗi năm những hộ nông dân này sẽ thu được từ 30 triệu đến 48 triệu đồng. Điều này sẽ không đạt được nếu vẫn giữ đất để sản xuất nông nghiệp theo cách truyền thống. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất thổ cư để xây phòng trọ cho thuê diễn ra mạnh trong các hộ nông dân ở nông thôn góp phần giảm diện tích đất nông nghiệp qua thời gian.

Bên cạnh việc giữ đất xây phòng trọ, nhiều hộ nông dân còn chọn hình thức khác để có thu nhập tốt hơn. Đó là bán đất nông nghiệp cho người dân ở nơi khác đến để xây nhà ở và một số người mua đất làm của để dành. Nguyên nhân là sự tác động của các dự án chỉnh trang đô thị trong nội thành TP HCM. Nhiều hộ bị giải tỏa đã ra vùng ngoại thành mua đất cất nhà. Bên cạnh đó, lực lượng lao động nhập cư từ khu vực nông thôn ngoại tỉnh vào TP HCM ngày một nhiều. Nhu cầu nhà ở của họ cũng rất lớn. Vì thế, vào thời điểm từ năm 1999 đến năm 2002, “con sốt giá đất” ở khu vực nông thôn và các quận vùng ven của Thành phố diễn rất mạnh. Giá đất vào thời điểm đó tăng gấp 4-5 lần so với thời gian năm 1999. Do đó, vào thời điểm sau năm 2000, nông dân TP HCM, đặc biệt là nông dân ở các huyện Nhà Bè, Bình Chánh và một số quận vùng ven như quận 2, 8, 9, Thủ Đức đã bán rất nhiều đất nông nghiệp của mình. Số liệu mà chúng tôi đã phân tích được cho thấy có đến 32,8% trên tổng số 600 hộ khảo sát đã bán đất nông nghiệp của mình vào thời điểm năm 1999-2002. Số tiền có được từ việc bán đất, nông dân dùng vào các việc như chia cho con cái, xây nhà mới, mua mới các loại đồ dùng và phương tiện đi lại,... hoặc gửi ngân hàng để lấy tiền lãi chi tiêu cho cuộc sống hằng ngày.

Ngoài ra, nông dân TP HCM có những chuyển đổi nông nghiệp truyền thống sang hình thức “tiên tiến” hơn theo sự khuyến khích của

Nhà nước, như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi,... như chuyển từ nghề trồng lúa sang chăn nuôi bò sữa, trồng lan,... (ở Hóc Môn, Củ Chi), hoặc chuyển từ lúa sang đào ao nuôi tôm, cá, nuôi chim yến,... (ở Cần Giò), hay bỏ hẳn nghề trồng lúa, hoa màu truyền thống để chuyển sang trồng mai, hoa lan, nuôi cá kiểng,... (ở Thủ Đức, Gò Vấp, quận 12) mà chúng tôi đã đề cập.

Từ những tư liệu trên cho thấy, nông dân TP HCM đã có những lựa chọn hợp lý cho cuộc sống của mình nhằm phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. Để đảm bảo cho cuộc sống gia đình ổn định, các thành viên trong gia đình đã có sự lựa chọn sinh kế đa dạng, phù hợp với tiềm năng của mỗi cá nhân. Phân tích ma trận về phân bố việc làm của nhân khẩu trong độ tuổi lao động ở các hộ nông dân TP HCM, cho thấy rõ sự cân nhắc, lựa chọn nghề nghiệp của các hộ nông dân.

Bảng 8. Ma trận giữa số nhân khẩu đi làm và nhân khẩu làm nông nghiệp trong hộ

		Số người đang đi làm trong gia đình năm 2010								Tổng cộng
		1	2	3	4	5	6	7	8	
Số lượng nhân khẩu làm nông nghiệp chính trong hộ hiện nay	1	31	56	33	15	10	1	1	1	148
	2	0	87	37	19	14	7	1	0	165
	3	0	0	10	5	5	0	1	1	22
	4	0	0	0	17	1	4	1	0	23
	5	0	0	0	0	1	2	0	0	3
Tổng cộng		31	143	80	56	31	14	4	2	361

Nguồn: Lê Thị Mỹ Hà, 2012.

Trong 600 hộ khảo sát vào năm 2010, có 361 hộ còn nhân khẩu trong độ tuổi lao động làm nông nghiệp. Khi phân tích ma trận tương quan giữa số nhân khẩu đi làm và số nhân khẩu làm nông nghiệp trong từng hộ cho thấy, trong một hộ, số nhân khẩu làm công việc phi nông nghiệp luôn nhiều hơn số nhân khẩu làm nông nghiệp.

Ví dụ, trong 361 hộ trên bảng phân tích, có 31 hộ hiện đang có 5 nhân khẩu đi làm, nhưng chỉ 1 hộ có tất cả 5 nhân khẩu cùng làm

nông nghiệp; 1 hộ có 4 nhân khẩu làm nông nghiệp; 5 hộ có 3 nhân khẩu làm nông nghiệp; nhưng có tới 14 hộ chỉ có 2 nhân khẩu làm nông nghiệp và 10 hộ có 1 nhân khẩu làm nông nghiệp. Phân tích tương tự như vậy ở những hộ khác, cũng cho thấy có rất ít hộ dành toàn bộ nhân khẩu tham gia vào nông nghiệp; đa phần đều có sự phân chia, trong đó số nhân khẩu làm nông nghiệp trong một hộ luôn ít hơn số nhân khẩu làm phi nông nghiệp.

Đây chính là sự lựa chọn có tính toán của nông dân TP HCM trong việc phân phối nhân khẩu tham gia các công việc để đảm bảo cuộc sống gia đình. Điều này, khi khảo sát chúng tôi luôn nhận được sự giải thích khá thấu đáo của các chủ hộ. Họ cho rằng, thu nhập từ nông nghiệp là rất thấp, nhưng không thể bỏ, nên cũng không thể tập trung hết nhân khẩu lao động vào công việc này. Những người có khả năng sẽ tham gia các công việc phi nông nghiệp, vì có thu nhập cao và ổn định; những người khác sẽ giữ lấy nghề nông, nhưng với số lượng ít hơn.

3. Một vài nhận xét

Trong quan hệ giữa nông thôn – đô thị, nông thôn TP HCM là nông thôn ven đô, nông dân TP HCM là nông dân của một đô thị lớn, đô thị “đặc biệt” của cả nước. Nông dân TP HCM có nhiều điều kiện, cơ hội để lựa chọn việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Do đó, cư dân nông thôn Thành phố còn tham gia vào các hoạt động ngành nghề đa dạng khác như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, xây dựng,... Có thể nói rằng, chủ nhân của nông thôn TP HCM không phải chỉ là những cư dân thuần nông, mà là của đa dạng các thành phần cư dân khác nhau, sinh sống bằng các ngành nghề khác nhau.

Nhìn chung, nông dân TP HCM lựa chọn chuyển đổi việc làm đều dựa trên “cái vốn” thực tại mà họ có được, như trình độ học vấn, độ tuổi, điều kiện gia đình, điều kiện bản thân, điều kiện xã hội,... Tùy theo vốn thực tại đó mà họ lựa chọn, chuyển đổi công việc hoặc phân công nhân khẩu lao động cho phù hợp. Do đó, có những người bỏ nghề nông để chuyển sang làm phi nông nghiệp, nhưng cũng có những người làm ngược lại; hoặc có những gia đình

chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, giảm bớt nhân khẩu tham gia nông nghiệp, nhưng cũng có những gia đình bán hết đất nông nghiệp của mình,... Tất cả những việc chuyển đổi đó đều có sự toan tính của người trong cuộc và sự tác động mạnh từ bên ngoài. Tuy nhiên, yếu tố quyết định để dẫn đến những toan tính về sự thay đổi này là vấn đề thu nhập của công việc.

Sự chuyển đổi về cơ cấu kinh tế, việc làm ở nông thôn theo xu hướng phát triển của môi trường nông thôn đô thị, đã làm cho thu nhập của người dân ở nông thôn TP HCM có sự chuyển biến đáng kể sau năm 1997. Đối với những người chuyển đổi từ việc làm nông nghiệp sang phi nông nghiệp, một số người vốn dĩ xuất thân từ nông dân, trình độ học vấn có hạn, tay nghề non kém và gần như không có nghiệp vụ chuyên môn nên họ luôn phải chấp nhận những công việc nặng nhọc với đồng lương không tương xứng. Từ đó, thường xuyên xảy ra tình trạng thay đổi việc làm đối với lực lượng lao động này, dẫn đến tình trạng “bấp bênh” trong thu nhập, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình.

Chính vì vậy, sự lựa chọn được xem là hợp lý của các hộ nông dân TP HCM là vẫn giữ nông nghiệp (đối với những hộ còn đất sản xuất), nhưng nhân khẩu tham gia vào nông nghiệp giảm xuống, phù trợ thêm là những nhân khẩu làm công việc phi nông nghiệp. Điều này sẽ giúp cho các hộ nông dân có nguồn thu nhập bảo đảm cho cuộc sống gia đình ổn định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê TP HCM (2001). Điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản TP HCM. NXB Thống kê.
2. Cục Thống kê TP HCM (2011). Điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản TP HCM, NXB Thống kê.
3. Lê Thị Mỹ Hà (chủ nhiệm, 2012). Nông dân, nông thôn TP HCM trong quá trình CNH, HĐH. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Thành phố, Viện Nghiên cứu Phát triển TP HCM.
4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP HCM (2009). Báo cáo quy hoạch sản xuất nông nghiệp TP HCM đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.